

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa IX, kỳ họp thứ 13 về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1861/SKHĐT-EDO ngày 07/8/2015.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 03 Chương, 08 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT&TH tỉnh;
- VPUB: LĐ, Khối NC-TH;
- Công Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. QMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư đặc thù đối với các dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và cơ sở bảo quản, chế biến các sản phẩm đặc thù của tỉnh, thực hiện tại các địa bàn nông thôn.

b) Những nội dung khác có liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhưng không cụ thể hóa trong Quy định này, được thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nông thôn là khu vực theo địa giới hành chính không bao gồm các phường thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

2. Lao động tại địa phương là lao động có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

1. Các trường hợp sau đây được ưu tiên trước khi xem xét hỗ trợ đầu tư:

a) Nhà đầu tư có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu, bao tiêu sản phẩm ổn định cho người dân.

b) Nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để thực hiện dự án đầu tư và triển khai dự án đúng tiến độ cam kết.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng được sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách theo quy định tại Quyết định này.

4. Đối với trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung ưu đãi, hỗ trợ so với Quyết định hỗ trợ đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định thu hồi các ưu đãi, hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước.

Chương II **HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc và gia cầm tập trung

1. Chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ thấp nhất 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước trong hàng rào dự án nhưng tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện đến hàng rào dự án, được ngân sách nhà nước hỗ trợ thêm 70% chi phí nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt công suất tối thiểu 200 gia súc hoặc 100 con gia súc và 1.000 con gia cầm.

b) Dự án nằm trong quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương trên tổng số lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nho, táo; chế biến thịt gia súc, gia cầm

1. Chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ không quá 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 1,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước trong hàng rào dự án.



b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ thêm 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

b) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và có quy mô công suất tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm xem xét cấp quyết định hỗ trợ đầu tư.

c) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

d) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Doanh nghiệp phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương trên tổng số lao động của doanh nghiệp và 60% nguyên liệu nông sản chính tại địa phương.

Điều 6. Nguồn vốn và cơ chế, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư: Nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn Nhà nước ngoài ngân sách (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn lồng ghép từ các chương trình dự án, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác).

Căn cứ vào nhu cầu hỗ trợ các dự án, hàng năm tỉnh dành khoảng 5% từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung để thực hiện hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư: Ngân sách Nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư theo đúng quy định tại Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015.

3. Việc lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện, phương thức hỗ trợ và thủ tục hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và địa phương

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan lập danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức xúc tiến kêu gọi đầu tư theo quy định

của pháp luật; tổng hợp, lồng ghép các nguồn vốn và dự kiến phân bổ vốn hỗ trợ cho từng dự án của doanh nghiệp theo kế hoạch hàng năm, trung hạn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn doanh nghiệp về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư và tổ chức thẩm tra hỗ trợ đối với các dự án; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Giám sát việc thực hiện Quy định này, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật; tham mưu xử lý đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung hỗ trợ theo quy định; tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp tình hình thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào tháng 9 hàng năm.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí nguồn vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Quy định này và quy định của pháp luật.

c) Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Quy định này và quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch về: Giết mổ gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung, công nghiệp và các quy hoạch liên quan khác để thực hiện các dự án khuyến khích đầu tư theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Quy định này và quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định và kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Dự án đã triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng đáp ứng các điều kiện theo Quy định này được hỗ trợ như sau:

a) Được hưởng hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

b) Hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu còn lại của dự án thực hiện sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Không hỗ trợ và hồi tố chi phí đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức liên quan phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung./.



Lưu Xuân Vĩnh